

Số: 47/QĐ-CCTHADS

Nghệ An, ngày 17 tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai dự toán ngân sách năm 2022  
của Văn phòng Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An

### CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; sửa đổi theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – Phòng Tài chính - Kế toán.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An ( Theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Tài chính – Phòng Tài chính - Kế toán và toàn thể công chức, người lao động chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Tổng Cục THADS (để b/c);
- Lưu: KT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
  
Phạm Quốc Nam

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THADS TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-CCTHADS ngày 17 tháng 01 năm 2022  
của Chi Cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>		
1	Số thu phí, lệ phí		
	Phí THA		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
3.1	Phí THA		
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>7.405.296.000</b>	
1	Chi quản lý hành chính	7.405.296.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.400.296.000	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Kinh phí mua sắm tập trung năm 2021 chuyển qua)	5.000.000	

2/2